**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN AN BIÊN**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2024
*"V/v ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn*: Anh Trang Tấn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 3BA, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Trang Tấn Đ chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42/2015 ngày 21 tháng 5 năm 2015. Chị và anh Trang Tấn Đ không có con chung. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Trang Tấn Đ không có tài sản chung không tranh chấp, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Trang Tấn Đ sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về làm ăn kinh tế gia đình, sống không hạnh phúc, chị và anh Trang Tấn Đ sống ly thân với nhau khoảng 08 năm nay. Chị thấy, chị và anh Trang Tấn Đ không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trang Tấn Đ; về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, chị và anh Trang Tấn Đ không có tài sản chung, không có nợ và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị T (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2015, quyển số: 01/2015 ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (Bản chính); Đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 26/4/2023 của chị Trần Thị T (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 19/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Trần Thị T gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử văn mặt. Bị đơn anh Trang Tấn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trang Tấn Đ là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trang Tấn Đ. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, chị Trần Thị T tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trang Tấn Đ. Bị đơn anh Trang Tấn Đ cư trú tại ấp 3BA, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trang Tấn Đ biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh nhưng anh Trang Tấn Đ không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trang Tấn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Trần Thị T và anh Trang Tấn Đ nhưng anh Trang Tấn Đ vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên toà chị Trần Thị T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trang Tấn Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Trang Tấn Đ chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2015, quyển số: 01/2015 ngày 21/5/2015, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trang Tấn Đ, thời gian chị và anh Trang Tấn Đ sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về làm ăn kinh tế gia đình, sống không hạnh phúc, chị và anh

Trang Tấn Đ sống ly thân với nhau khoảng 08 năm nay. Chị thấy, chị và anh Trang Tấn Đ không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trang Tấn Đ thì anh Trang Tấn Đ không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trang Tấn Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trang Tấn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, chị Trần Thị T tự xác định, không có quan hệ con chung, tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trang Tấn Đ.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị T tự xác định, không có quan hệ con chung, tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008894 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/3/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã THT, TP, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**